

Biểu số: 01b/TP/TĐ

Ban hành theo Thông tư số
17/2025/TT-BTP

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC sơ bộ 6 tháng: Ngày 20 tháng
6 năm báo cáo

BC sơ bộ năm: Ngày 20 tháng 11
năm báo cáo

BC tròn năm: Ngày 20 tháng 01
năm sau

**SỐ DT VBQPPL ĐƯỢC THẨM ĐỊNH; SỐ DT
VBQPPL ĐƯỢC THẨM ĐỊNH CÓ ĐÁNH GIÁ
TÁC ĐỘNG GIỚI; SỐ TTHC TẠI DT VBQPPL
ĐƯỢC THẨM ĐỊNH TRÊN ĐỊA BÀN**

TỈNH/THÀNH PHỐ

(Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài
chính)

Đơn vị tính:

Văn bản

Số DT VBQPPL đã được thẩm định (Văn bản)				Số TTHC quy định tại DT văn bản QPPL đã được thẩm định (Thủ tục)				Ghi chú
Số dự thảo VBQPPL do cấp xã thẩm định		Số dự thảo VBQPPL do Sở Tư pháp thẩm định		Tại DT VBQPPL cấp xã		Tại DT VBQPPL cấp tỉnh		
Tổng số	Chia theo tên loại văn bản	Tổng số	Chia theo tên loại văn bản	Tổng số	Chia theo tên loại văn bản	Tổng số	Chia theo tên loại văn bản	

		DT Nghị quyết của HĐ ND	DT Quy ết định của UB ND		Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình		Số DT Quy ết định của UB ND	Số DT Quy ết định của Chủ tịch UB ND		Tại DT Ngh ị quy ết của HĐ ND	Tại DT Quy ết định của UB ND		DT Ngh ị quy ết của HĐ ND	DT Quy ết định của UB ND	DT Quy ết định của Chủ tịch UB ND	
					Tổ ng số	Tro ng đó: Số DT đư ợc thả m địn h có đán h giá tác độn g giớ i										
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12))	(13)	(14)	(15)	(16)

Tổng số trên địa bàn tỉnh																
I. Tại cấp tỉnh	-	-	-						-	-	-					
II. Tại cấp xã				-	-	-	-	-				-	-	-	-	
1. Tên xã/phường/đặc khu				-	-	-	-	-				-	-	-	-	
2. Tên xã/phường/đặc khu				-	-	-	-	-				-	-	-	-	
...				-	-	-	-	-				-	-	-	-	

Ô có dấu "-" không phải báo cáo

*** Ghi chú:**

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 01b/TP/TĐ

Số dự thảo VBQPPL được thẩm định; Số dự thảo VBQPPL được thẩm định có đánh giá tác động giới; Số TTHC tại dự thảo VBQPPL được thẩm định trên địa bàn tỉnh/thành phố

1. Khái niệm, phương pháp tính

Biểu 01b/TP/TĐ phản ánh tình hình thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan tư pháp trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- Khái niệm “văn bản quy phạm pháp luật” được quy định tại Điều 2 Luật Ban hành VBQPPL số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH.

- Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan tư pháp thẩm định gồm:

Dự thảo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, Quyết định của UBND cấp tỉnh, Quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh là dự thảo VBQPPL do các cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh chủ trì soạn thảo, do Sở Tư pháp thẩm định.

Nghị quyết của HĐND cấp xã, Quyết định của UBND cấp xã do Văn phòng UBND và HĐND cấp xã thẩm định.

- Số dự thảo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh được thẩm định có đánh giá tác động giới là số lượng dự thảo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh khi gửi thẩm định phải có Báo cáo đánh giá tác động chính sách (trong đó có đánh giá tác động giới) trong trường hợp soạn thảo Nghị quyết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH.

- Khái niệm “thủ tục hành chính” (TTHC) được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP.

- Số TTHC tại dự thảo VBQPPL do cấp xã thẩm định là số lượng TTHC quy định tại dự thảo Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã đã được thẩm định.

- Số TTHC tại dự thảo VBQPPL do cấp tỉnh thẩm định là số lượng TTHC quy định tại dự thảo Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND, Quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh là dự thảo VBQPPL đã được thẩm định.

2. Cách ghi biểu

- Dòng “Tổng số trên địa bàn tỉnh” = Dòng I “Tại cấp tỉnh” + Dòng II “Tại cấp xã”.

+ Dòng I “Tại cấp tỉnh” ghi số dự thảo VBQPPL, số TTHC tại dự thảo VBQPPL do Sở Tư pháp thẩm định trong kỳ báo cáo.

+ Dòng II “Tại cấp xã” bằng tổng số của các dòng xã/phường/đặc khu theo cột tương ứng.

+ Dòng “Tên xã/phường/đặc khu...”: Lần lượt ghi tên xã/phường/đặc khu thuộc tỉnh/thành phố, số dự thảo VBQPPL, số TTHC tại dự thảo VBQPPL do Văn phòng UBND và HĐND cấp xã thẩm định trong kỳ báo cáo.

- Cột 1 = Cột (2+3).

- Cột 4 = Cột (5+7+8).

- Cột 6 là số thành phần của cột 5, cột 6 phải $\leq$ cột 5

- Cột 9 = Cột (10+11).

- Cột 12 = Cột (13+14+15).

Các ô có dấu “-” không phải báo cáo.

3. Nguồn số liệu

- Sổ sách ghi chép ban đầu tại UBND cấp tỉnh theo dõi về việc thẩm định dự thảo VBQPPL;

- Báo cáo của UBND cấp xã;

- Nền tảng số (cơ sở dữ liệu) về văn bản pháp luật;
- Các nguồn số liệu chính thức khác của địa phương.